

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-PT  
Ngày 18/8/2020  
“*V/v tranh chấp quyền sử dụng  
đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Chiến;

*Các Thẩm phán:* Bà Bùi Thị Ngọc;

Ông K’ Tiêng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TL-DSPT ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2020, và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 43/TB-TA ngày 03/8/2020, Giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần T.

Địa chỉ: Thôn N, xã Thuận A, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

*Bị đơn:* Ông Trần Thanh S.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Huỳnh Đ.

Địa chỉ: Số 191, đường 23/3, tổ 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Bà Trần Thị N và ông Trần L;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Nguyễn Thị T1;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Nguyễn Thị T2;

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Nguyễn Thị P;

Địa chỉ: Thôn V, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Nguyễn Thị Q;

Địa chỉ: Thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Nguyễn Văn L;

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Nguyễn Văn C;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Lê Thị Ngọc H;

Địa chỉ: Số nhà 465 đường Nguyễn Văn L, khu phố 02, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N, ông Trần Lý, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Ngọc H: Ông Trần T – có mặt.*

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Lê Thị X – Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị X: Ông Huỳnh Đ.*

Địa chỉ: Số 191, đường 23/3, tổ 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Do có kháng cáo của ông Trần Thanh S.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần T trình bày:*

Ông Trần T là em ruột của ông Trần P1 và em chồng của bà Nguyễn Thị M. Năm 2002, ông P1 và bà M có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn C trú tại thôn 10, xã N, huyện Đ 01 thửa đất diện tích khoảng 7.000m<sup>2</sup>, sau đó khai hoang thêm được 29.000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, địa chỉ thửa đất tại thôn 10, xã N, huyện Đ. Sau khi khai hoang, ông P1 và bà M sử dụng ổn định trên đất, không tranh chấp với ai. Trong quá trình sử dụng đất, ông P1 và bà M có nhờ một người cháu tên Trần Thanh S quê ở tỉnh Phú Yên lên phụ giúp làm rẫy với ông P1 và bà M. Ngày 02/11/2012 bà Nguyễn Thị M chết, đến ngày 30/5/2013 ông Trần P1 chết. Khi chết, ông P1 và bà M để lại di sản nhưng không có di chúc. Ông P1, bà M không có con, bố mẹ ruột của ông P1 và bố mẹ ruột của bà M đã chết. Ông T, bà N, ông L, bà H1, bà T1, bà T2, bà P, bà Q, ông L, ông C, bà H người được hưởng thừa kế của ông P1 và bà M theo quy định của pháp luật.

Sau khi ông P1, bà M chết thì ông Trần Thanh S là người quản lý di sản. Ông Trần Thanh S đã sử dụng T5 bộ diện tích đất và tài sản trên đất của ông P1 và bà M để lại mà không giao cho những người được quyền thừa kế di sản của ông P1, bà M để những người này chia thừa kế. Những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông P1 và bà M thống nhất ủy quyền để ông Trần T đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để gia đình lập thủ tục chia di sản thừa kế. Do đó, ngày 08/11/2016 ông Trần T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết, buộc anh Trần Thanh S giao lại T5 bộ diện tích đất và tài sản trên đất là di sản của ông P1, bà M chết để lại cho ông T và những người được quyền thừa kế di sản trên quản lý với diện tích đất 29.000m<sup>2</sup>. Ngày 09/7/2018, ông Trần T có đơn yêu cầu rút một phần nội dung đơn khởi kiện vì hai bên đã tự thỏa thuận được diện tích đất 22.000m<sup>2</sup>, diện tích còn lại là 6.139m<sup>2</sup> đất (theo diện tích thực tế Hội đồng xem xét thẩm định tiến hành đo đạc) và tài sản trên đất ông T tiếp tục yêu cầu anh Trần Thanh S phải giao lại cho ông.

Nguồn gốc đất tranh chấp có bà Nguyễn Thị K là người biết rõ. Vì năm 2006, hai vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị K lên giúp vợ chồng ông P1 khai hoang ở vị trí thửa đất tranh chấp. Quá trình khai hoang, năm 2012 ông P1 bị cán bộ của công ty L1 bắt, hai bên giằng co cửa tay và ông P1 cửa đứt tay một cán bộ công ty L1.

Khi ông P1, bà M chết, trên diện tích 24.000m<sup>2</sup> đất có khoảng 2.000 trụ tiêu, 2.000 cây cà phê, ông S và bà X là người sử dụng, canh tác và thu hoa lợi từ đó đến nay. Đối với tiền chi phí điều trị bệnh cho ông Trần P1, ông T cho rằng ông là người bỏ tiền ra lo chi phí với số tiền 10.000.000 đồng. Ông Trần Thanh S là người đứng ra thay ông T và những người khác trả tiền tại bệnh viện chứ không phải tiền của cá nhân ông S; Tiền mai táng của ông P1 lấy từ số tiền phúng điếu của gia đình người thân, bạn bè ông Trần P1. Ông T không nhớ cụ thể nhưng sau đó gia đình có họp mặt, bà Lê Thị X thông báo số tiền phúng điếu sau khi lo chi phí, mai táng, kể cả chi phí xây mộ thì còn thừa lại 5.000.000 đồng, bà X vẫn giữ và mượn thêm của ông T 10.000.000 đồng có sự chứng kiến của anh chị em ruột. Khi ông P1 qua đời còn để lại một số tài sản là 02 chiếc xe mô tô, 01 sợi dây chuyền vàng Y 3 chỉ, 01 điện thoại di động, 01 đồng hồ đeo tay (giao cho ông S và bà X tạm giữ). Đối với các khoản tiền công bảo quản, trông coi di sản, đầu tư trên đất, ông T cho rằng ông Trần Thanh S và bà Lê Thị X đầu tư và đã thu hoạch. Do đó, ông Trần T không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn về các khoản tiền chi phí điều trị, chi phí mai táng, tiền công bảo quản di sản và các khoản tiền khác mà ông S, bà X cho rằng đã đầu tư chăm sóc và trả nợ thay cho ông P1 với tổng số tiền 129.804.585 đồng.

*- Bị đơn ông Trần Thanh S trình bày:*

Năm 2008, vợ chồng ông Trần Thanh S và bà Lê Thị X lên ở với ông Trần P1, bà Nguyễn Thị M. Ông P1 cho vợ chồng ông S, bà X diện tích đất khoảng 5.500m<sup>2</sup> (5,5 sào) để sử dụng canh tác và thay ông P1, bà M chăm sóc diện tích đất còn lại tại thôn 10, xã N, huyện Đ. Sau đó, ông S và bà X khai tại đơn trình bày và đơn X xác nhận là trong thời gian vợ chồng ông S ở thôn 10, xã N, huyện Đ thì ông P1, bà M cho diện tích đất khoảng 5.000 m<sup>2</sup> để canh tác, sử dụng. Từ năm 2009 đến năm 2011 vợ chồng ông tự khai hoang 7.000 m<sup>2</sup> và trồng được khoảng 700 cây cà phê, có những hộ liền kề anh Cà Thanh T3, Nguyễn Thành T4, Phạm Ngọc H2, Nguyễn Thị T5 làm chứng và xác nhận của ông Lê Hùng M1 - Ban tự quản thôn 10, xã N, huyện Đ. Vì cho rằng đó là đất của ông S và bà X khai hoang nên ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần T.

Ngày 12/02/2017, ông Trần Thanh S có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu ông Trần T và những người được hưởng thừa kế của ông P1 phải trả cho ông S những khoản tiền sau: 1/ Chi phí điều trị bệnh và mai táng cho ông Trần P1, bà Nguyễn Thị M: 70.000.000đ, cụ thể: tiền thuốc điều trị và dụng cụ y tế 819.585đ (có hóa đơn), tiền thuốc không có hóa đơn: 10.000.000đ, trả tiền của ông P1 nợ bà Nguyễn Thị T5 là

40.000.000đ, mua quan tài, đồ liệm, khăn tang, nhang đèn và một số đồ phục vụ mai táng: 8.985.000đ, tiền thuê xe chở quan tài ông P1 từ xã N về tỉnh Khánh Hòa: 5.000.000đ, các chi phí khác: 5.195.415đ.

2/Thanh toán tiền bảo quản di sản từ tháng 6/2013 đến nay: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), cụ thể: tiền công bảo quản, trông coi diện tích đất của ông P1 để tránh người khác lấn chiếm, hủy hoại tài sản từ ngày 01/6/2013 đến ngày 16/6/2017: 10.000.000đ, Tiền công phát dọn bờ ranh, dập lửa quanh rẫy: 6.000.000đ, tiền công làm cỏ, bón phân: 24.000.000đ, tiền công cắt cành cà phê: 16.000.000đ, tiền công tưới nước: 6.400.000đ, tiền mua dầu diezen, nhót để tưới cà phê trong 04 năm: 17.600.000đ;

3/ Tiền đầu tư chăm sóc đối với cây trồng: 150.000.000đ.

Tuy nhiên, ngày 09/3/2018, ông Trần Thanh S, bà Lê Thị X rút yêu cầu đối với khoản tiền thuộc điều trị cho ông P1 (không có hóa đơn): 10.000.000đ, tiền thuê xe chở quan tài ông P1 từ xã N về Khánh Hòa: 5.000.000đ; các chi phí khác: 5.195.415 đồng, tổng cộng là: 20.195.415 đồng, Chỉ yêu cầu ông T và những người thừa kế khác phải thanh toán cho ông S, bà X số tiền: 129.804.500 đồng sau khi trừ khoản tiền thu hoạch cà phê và tiêu mà anh S hưởng lợi trên đất của ông P1 là 150.000.000 đồng.

Tại bản án số: 11/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trần Thanh S.

Buộc ông Trần Thanh S và bà Lê Thị X phải giao trả cho ông Trần T 01 thửa đất diện tích 6.319m<sup>2</sup> có tứ cận: Phía đông giáp với đường đất dài 3m, cạnh dài 99,70m; Phía tây giáp với đất của ông Nguyễn Ngọc L3, có cạnh dài 97,829m; Phía nam giáp với đường tỉnh lộ 6, có cạnh dài 67,65m; Phía bắc giáp với thửa đất của ông Trần P1, có cạnh dài 55,61m và tài sản trên đất bao gồm: 06 cây bơ trồng năm 2012; 01 cây muồng đen trồng năm 2013; 01 cây sầu riêng trồng năm 2015; 405 cây cà phê kinh doanh, trong đó 197 cây loại B, 103 cây loại C và 105 cây loại D, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Trần T phải trả cho ông Trần Thanh S và bà Lê Thị X 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thanh S đối với số tiền chi phí điều trị, mai táng và tiền bảo quản di sản, đầu tư chăm sóc cây trồng với tổng số tiền 129.804.500đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu tám trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng*).

Đình chỉ xét xử đối với phần diện tích 22.000m<sup>2</sup> đất mà nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn số tiền 20.195.415đ (*Hai mươi triệu một trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm mười lăm đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/3/2020, ông Trần Thanh S kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông và buộc ông Trần T phải hoàn trả số tiền chi phí điều trị, mai táng và tiền quản lý di sản của ông Trần P1 và bà Nguyễn Thị M với số tiền 129.804.585 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý chia số diện tích 6.319m<sup>2</sup>. Cụ thể, nguyên đơn nhận số diện tích 30m theo chiều mặt đường và ông S nhận 37m theo chiều mặt đường. Đối với các khoản tiền công bảo quản, trông coi di sản, đầu tư trên đất, ông T cho rằng ông Trần Thanh S và bà Lê Thị X đã đầu tư và đã thu hoạch. Do đó, ông Trần T không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn về các khoản tiền chi phí điều trị, chi phí mai táng, tiền công bảo quản di sản và các khoản tiền khác mà ông S, bà X cho rằng đã đầu tư chăm sóc và trả nợ thay cho ông P1.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải giao lại cho ông Trần T số diện tích 6.319m<sup>2</sup> là không có căn cứ vì phần diện tích đất này do vợ chồng ông S khai phá, canh tác và trồng cà phê từ khi khai phá đến nay. Diện tích đất này thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông S chứ không phải là di sản của ông P1, bà M để lại. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, ông S và người làm chứng bà Nguyễn Thị T5 cho rằng ông P1 có một người con riêng là anh Nguyễn Hoàng T6 nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ anh T6 có phải là con ruột của ông P1 hay không, đồng thời đã bác yêu cầu phản tố của ông S là chưa đảm bảo quyền lợi cho ông S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm 11/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh S, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Thanh S làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh S thấy rằng. Trong quá trình giải quyết xét xử thì Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cũng như nội dung vụ án. Cụ thể như sau:

[2.1]. Về xác định sai quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là không đúng vì theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2016, đơn khởi kiện ngày 08/11/2016 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Trần T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc ông Trần Thanh S trả lại diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất là di sản của ông Trần P1, bà Nguyễn Thị M chết để lại, cho ông T và những người thừa kế quản lý. Đây là tranh chấp liên quan đến di sản thừa kế của ông P1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án và áp dụng các quy định của pháp luật về nội dung để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất mà không áp dụng các quy định của pháp luật về thừa kế để giải quyết vụ án là không đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Chưa làm rõ ông Trần T có quyền khởi kiện hay không, bởi lẽ: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn ông Trần Thanh S cũng như người làm chứng bà Nguyễn Thị T5 đều xác định ông Trần P1 có một người con riêng tên là Nguyễn Hoàng T6. Mặc dù qua quá trình giải quyết cấp sơ thẩm đã ủy thác, thu thập tài liệu chứng cứ tại Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa để lấy lời khai của anh Nguyễn Hoàng T6 và mẹ của anh T6 là bà Nguyễn Thị T7

và anh T6, bà T7 đều cho rằng anh T6 là con ruột của ông Trần P1 nhưng phía ông Trần T và những người anh em ruột của ông P1 không thừa nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành điều tra làm rõ (như giám định ADN) để xác định chính xác Nguyễn Hoàng T6 có phải là con đẻ của ông P1 không? từ đó mới có căn cứ pháp luật để xác định quyền khởi kiện của nguyên đơn ông Trần T. Từ việc chưa làm rõ và chưa xác định được ông P1 có người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất hay không nhưng cấp sơ thẩm đã xác định ông T có quyền khởi kiện đồng thời tuyên buộc phía bị đơn ông Trần Thanh S phải giao lại diện tích 6.319m<sup>2</sup> cho nguyên đơn và bác yêu cầu phân tố của ông S là chưa có căn cứ.

[2.4]. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn có một số sai sót như xác định hàng thừa kế không đúng nên dẫn tới việc xác định tư cách tham gia tố tụng của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đúng: Theo hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn Thị M chết ngày 02/11/2012 (Giấy chứng tử cấp ngày 09/4/2014) không để lại di chúc, bố mẹ bà M đều đã chết, tại thời điểm này ông P1 (chồng bà M) còn sống nên ông P1 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của bà M để lại theo quy định của pháp luật nên các anh chị em của bà M (bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn C) không có quyền hưởng di sản thừa kế của bà M nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định những người này thuộc hàng thừa kế thứ hai và cho rằng họ có quyền hưởng di sản của bà M và đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là xác định sai hàng thừa kế cũng như về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Từ những vi phạm và thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được, nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh S, hủy bản án sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Trần Thanh S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Thanh S 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.



*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**1.** Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh S. Huỷ bản án sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

**2.** Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho ông Trần Thanh S 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000433 ngày 06/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- P. KTNV;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký, đóng dấu)*

**Nguyễn Xuân Chiến**